

ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG TRANH BIỆN ĐỐI VỚI NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ KHẢ NĂNG NÓI TIẾNG ANH

Vũ Minh Hoa

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam

Tóm tắt: Kỹ năng tư duy phản biện nắm giữ vai trò nền tảng đối với sự thành công trong cả học tập và đời sống xã hội của sinh viên. Tuy nhiên, trong hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay, kỹ năng này vẫn chưa được chú trọng đúng mức, điều này dẫn đến sự khó khăn của sinh viên trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn xã hội cũng như trong việc giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh. Hoạt động tranh biện được xác định là một giải pháp tiềm năng, có khả năng thúc đẩy kỹ năng tư duy phản biện và năng lực giao tiếp của người học. Bài báo này nghiên cứu trải nghiệm của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam khi tham gia hoạt động tranh biện, từ đó đánh giá tính hiệu quả và khả năng áp dụng rộng rãi của phương pháp này. Việc thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc, thảo luận nhóm tập trung và quá trình quan sát 100 sinh viên tham gia. Về lâu dài, nghiên cứu hướng tới việc cung cấp những khuyến nghị có cơ sở thực tiễn dành cho đội ngũ giáo viên, các nhà hoạch định chính sách và giới nghiên cứu.

Từ khóa: Tư duy phản biện, tranh biện trong lớp học, năng lực nói tiếng Anh

INFLUENCE OF DEBATE ACTIVITIES ON CRITICAL THINKING COMPETENCE AND ENGLISH SPEAKING SKILLS

Vu Minh Hoa

Faculty of Foreign Languages, Vietnam Maritime University

Abstract: Critical thinking is vital for success in both academic and social life, yet it remains underdeveloped in the Vietnamese education system, hindering students' ability to meet social standards and communicate effectively. Classroom debate has been identified as a promising solution, enhancing critical thinking and oral communication skills. This small-scale research project aims to explore students with English majors at Vietnam Maritime University, examining their experiences with classroom debate to evaluate its effectiveness and potential for wider application. Data will be collected through semi-structured interviews, focus groups, as well as observations of one hundred participants. The findings will provide insights into students' perceptions and improvements in thinking and speaking skills, helping to assess the success of classroom debate in this context. The research will also benefit students by identifying obstacles in their abilities and offering guidance on overcoming them. Ultimately, the study hopes to offer evidence-based recommendations for educators, policy makers, and researchers.

Keywords: Critical thinking, classroom debate, English speaking ability

Nhận bài: 15/03/2025

Phản biện: 12/04/2025

Duyệt đăng: 15/04/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong vô số cơ sở giáo dục tại Việt Nam, khái niệm “tư duy phản biện” vẫn còn rất mới mẻ. Từ chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá đến thực tiễn dạy và học, tư duy phản biện gần như không được chú trọng, thậm chí bị xem nhẹ hoặc hoàn toàn bỏ qua. Theo Nguyễn (2011), phần lớn sinh viên ở các quốc gia Đông Nam Á bao gồm cả Việt Nam có thói quen học tập theo lối ghi nhớ máy móc; với các em, tư duy phản biện là một thuật ngữ xa lạ, chưa từng được giảng dạy hay thực hành một cách bài bản.

Bên cạnh đó, kỹ năng nói trong giảng dạy ngôn ngữ cũng bị xem là thứ yếu trong hệ thống giáo dục hiện hành. Nguyễn (2013) chỉ ra rằng mặc dù tiếng Anh là môn học bắt buộc từ bậc trung học đến đại học trong hơn một thập kỷ qua nhưng nhiều sinh viên vẫn không đạt được trình độ sử dụng ngôn ngữ như kỳ vọng. Để giải quyết vấn đề này, nhiều chiến lược đã được các nhà giáo dục

và nhà nghiên cứu áp dụng trên toàn cầu. Trong số đó, phương pháp tranh biện đang dần trở nên phổ biến bởi hoạt động này mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ Anh cho học viên (Jansem, 2015).

Bài báo trả lời hai câu hỏi sau:

- o Hoạt động tranh biện có ảnh hưởng như thế nào tới năng lực tư duy phản biện của sinh viên?
- o Hoạt động tranh biện có tác động như thế nào tới kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên?

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Mối liên hệ giữa tư duy phản biện và kỹ năng nói tiếng Anh

Kỹ năng tư duy phản biện và khả năng nói tiếng Anh có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau; vì vậy, việc phát triển năng lực tư duy phản biện có thể tác động trực tiếp đến việc nâng cao khả năng học ngôn ngữ (Malmir &

Shoorchek, 2012). Sự thành thạo trong giao tiếp ngôn ngữ không chỉ đòi hỏi người học nắm vững các yếu tố cơ bản như ngữ pháp, từ vựng, phát âm, mà còn cần tới khả năng diễn đạt suy nghĩ một cách mạch lạc và thuyết phục, điều này chỉ có thể đạt được khi người học phát triển khả năng tư duy phản biện. Nghiên cứu sâu sắc của Malmir và Shoorchek (2012) cho thấy rằng việc áp dụng các phương pháp tư duy phản biện giúp người học đưa ra những câu hỏi hợp lý, tìm kiếm và xử lý thông tin một cách có hiệu quả, lập luận theo một cách có hệ thống và cuối cùng đưa ra những kết luận đúng đắn về những gì người khác đã trình bày, giúp các em tổ chức và trình bày suy nghĩ của mình một cách logic. Bên cạnh đó, khả năng tư duy phản biện cũng giúp người học phân biệt được những suy luận đóng vai trò chính yếu và những ý tưởng không quá quan trọng trong quá trình giao tiếp với giáo viên hay bạn bè, điều này có tính quyết định khi các em cần thể hiện quan điểm hay bảo vệ lập luận của mình. Theo Afshar và Rahimi (2014), giáo viên cần khuyến khích phát triển kỹ năng tư duy phản biện để cải thiện khả năng giao tiếp bằng lời nói của sinh viên, vì chỉ khi sinh viên có thể đặt câu hỏi và thách thức các nhiệm vụ học tập, các em mới có thể nắm vững toàn bộ nội dung bài học cũng như hướng dẫn của giáo viên, qua đó có thêm cơ hội để trao đổi và thảo luận với giáo viên. Một nghiên cứu khác của Sanavi và Tarighat (2014) với học viên trình độ trung cấp cũng chỉ ra tác động rõ rệt của việc giảng dạy tư duy phản biện đối với khả năng nói, và các tác giả này cho rằng giảng dạy tư duy phản biện chính là yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ khả năng giao tiếp tiếng Anh của học viên.

2.2. Hoạt động tranh biện và kỹ năng tư duy phản biện

Trong những năm gần đây, mối tương quan giữa hoạt động tranh biện và năng lực tư duy phản biện đã trở thành chủ đề thu hút sự quan tâm đáng kể trong giới học thuật với số lượng nghiên cứu công bố ngày một gia tăng. Một nghiên cứu tiêu biểu trong lĩnh vực này là của Krieger (2005), người khẳng định rằng việc tham gia vào các phiên tranh biện trong lớp học đã mang lại những cải thiện rõ nét trong năng lực diễn đạt và bảo vệ quan điểm của sinh viên. Đồng thời, sinh viên còn phát triển khả năng nhận diện tức thời những sai sót trong lập luận của người khác, một kỹ năng được xem là thành tố trọng yếu trong tư duy phản biện, một kỹ năng vốn đòi hỏi khả năng phân tích và đánh giá thông tin

một cách khách quan. Tương tự, Zare và Othman (2015) cho rằng tranh biện thúc đẩy sự hình thành và phát triển các kỹ năng tư duy thông qua chuỗi hoạt động học thuật như phân tích lập luận, thực hiện nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin, phản biện các giả định, đánh giá lập luận, đồng thời nâng cao kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội. Đặc biệt, quá trình tìm kiếm bằng chứng và lập luận nhằm củng cố quan điểm cá nhân cũng như việc truy xuất dữ liệu thực tiễn được xem là yếu tố có tính quyết định, giúp người học rèn luyện tư duy phản biện một cách linh hoạt và nhanh nhạy hơn. Ngoài ra, theo Rezaei, Derakhshan và Bagherkazemi (2011), với tính chất đa dạng cả về chủ đề lẫn hình thức thể hiện, tranh biện có khả năng khơi dậy sự hứng thú và thúc đẩy sinh viên tư duy phản biện từ nhiều góc nhìn khác nhau. Như vậy, tranh biện không chỉ là công cụ sư phạm giàu tính ứng dụng, mà còn là môi trường lý tưởng để nuôi dưỡng và phát triển tư duy phản biện một cách toàn diện trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

2.3. Hoạt động tranh biện và kỹ năng nói tiếng Anh

Nhiều học giả đã nhấn mạnh những ảnh hưởng tích cực của hoạt động tranh biện đối với năng lực nói tiếng Anh của sinh viên. Trong quá trình rèn luyện, việc sử dụng ngôn ngữ trở nên tự nhiên đến mức người học gần như quên rằng các em đang tiếp cận một ngoại ngữ. Theo Jansem (2015), hoạt động này xóa bỏ cảm giác e dè khi học một ngôn ngữ mới, thay vào đó, khơi mở cho người học một hình thức tự thể hiện bản thân. Không những vậy, tranh biện còn đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên vượt qua nỗi sợ khi phát biểu trước đám đông và nâng cao sự tự tin trong giao tiếp. Nhờ đó, các em có thể thoải mái trình bày quan điểm cá nhân, nói năng lưu loát và dần làm chủ việc sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả. Tác động tích cực của tranh biện cũng được Alasmari và Ahmed (2012) làm rõ khi xem đây là một công cụ hữu ích trong việc phát triển độ trôi chảy, khả năng phát âm và vốn từ vựng cho người học. Đồng thời, nhờ sự đa dạng về chủ đề và lĩnh vực thường xuất hiện trong các cuộc tranh luận, sinh viên còn có cơ hội tiếp cận và làm quen với các thuật ngữ chuyên ngành và từ vựng mang tính kỹ thuật. Hai tác giả này đặc biệt khuyến nghị giáo viên nên đảm nhiệm vai trò điều phối, đồng thời cung cấp phản hồi mang tính xây dựng cho sinh viên dựa trên nhiều phương diện như cử chỉ, tư thế, phát âm, ngữ điệu, trọng âm, cách chọn từ, thông tin

đưa ra, mức độ liên quan và lập luận logic. Kết quả đạt được có thể vô cùng khả quan, sinh viên không chỉ luyện tập đồng thời nhiều kỹ năng, tiếp thu lượng từ vựng đáng kể, mà còn lĩnh hội kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau, tất cả góp phần nâng cao khả năng diễn đạt bằng tiếng Anh và hình thành sự tự tin trong giao tiếp (Alasmari & Ahmed, 2012). Một điểm nổi bật khác của tranh biện được Alasmari và Ahmed (2012) đề cập là ảnh hưởng tích cực của hoạt động này đến mức độ tham gia và động lực học tập của sinh viên. Hình thức học tập này khuyến khích người học giữ vai trò chủ động trong quá trình tiếp thu tri thức, đồng thời được xem là một phương pháp mới mẻ và hấp dẫn đối với phần lớn người tham gia. Zare và Othman (2013) ghi nhận rằng sự tham gia của sinh viên mang tính chủ động, sâu sắc, toàn diện và cá nhân hóa cao, từ đó nâng cao rõ rệt hiệu quả học tập cũng như mức độ thấu hiểu nội dung môn học.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Việc triển khai hoạt động tranh biện trong lớp học được thực hiện trong vòng mười hai tuần. Mô hình tranh biện áp dụng bao gồm năm bước chính: nghiên cứu cá nhân, thảo luận nhóm, trình bày lập luận, chất vấn (POI - Points of Information), và phản biện. Trong hai bước đầu tiên, sinh viên có nhiệm vụ chuẩn bị cho buổi tranh biện chính thức bằng cách nghiên cứu chuyên sâu về chủ đề được giao, đồng thời thảo luận với các thành viên trong nhóm để xác định vấn đề, xây dựng dàn ý và phát triển lập luận. Ba bước tiếp theo là phần tranh biện thực tế, trong đó người học phải thuyết trình trước toàn thể lớp học, trả lời các câu hỏi chất vấn từ phía đối phương, và cuối cùng là phản biện lại lập luận của đội đối lập.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định tính nhằm khám phá các góc nhìn đa dạng của sinh viên đối với hoạt động tranh biện trong lớp, từ đó tìm hiểu trải nghiệm, mức độ tham gia và thái độ của các em. Đối tượng nghiên cứu bao gồm một trăm sinh viên năm nhất thuộc Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, được lựa chọn dựa trên các mức độ thành thạo tiếng Anh khác nhau nhằm đảm bảo sự đa dạng trong quan điểm. Dữ liệu được thu thập thông qua ba phương pháp: phỏng vấn bán cấu trúc nhằm khai thác sâu sắc phản hồi cá nhân; thảo luận nhóm tập trung để khơi gợi ý kiến tập thể; và quan sát tại lớp học nhằm ghi nhận các hành vi phi ngôn ngữ cũng như mức độ tương tác thực tế.

Phương pháp tam giác hóa được áp dụng nhằm

kết hợp ba hình thức thu thập dữ liệu kể trên, từ đó mang lại cái nhìn toàn diện và đáng tin cậy hơn về trải nghiệm của người học. Phân tích dữ liệu được tiến hành theo hướng tiếp cận chủ đề: dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn, thảo luận nhóm và quan sát được phiên âm, mã hóa và phân tích để rút ra các chủ đề cốt lõi, đảm bảo việc giải quyết câu hỏi nghiên cứu được thực hiện một cách kỹ lưỡng và hệ thống.

2.5. Kết quả nghiên cứu

Các hoạt động tranh biện trong lớp học đã đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên nhận thức và cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của mình. Ban đầu, nhiều sinh viên thừa nhận rằng các em có ít cơ hội thực hành nói tiếng Anh và học tập ngôn ngữ này chủ yếu bằng cách tập trung vào các bài tập ngữ pháp và đọc hiểu. Khi các buổi tranh biện diễn ra, sinh viên bắt đầu nhận ra những điểm yếu cụ thể trong khả năng diễn đạt của mình, chẳng hạn như vốn từ vựng hạn chế, lỗi phát âm và thiếu sự mạch lạc trong bài nói. Phản hồi từ bạn học và giảng viên là yếu tố then chốt trong việc giúp sinh viên nhận ra các vấn đề này. Để đáp lại, sinh viên đã chủ động thực hiện các biện pháp như tra cứu từ điển Anh Anh, lập danh sách từ vựng cần học hàng ngày và học ký hiệu phiên âm để cải thiện khả năng phát âm. Qua từng buổi tranh biện, sinh viên dần dần học được phương thức tổ chức ý tưởng một cách logic và trình bày các điểm chính hiệu quả hơn trong bài nói của mình. Đến cuối khóa học, các em đã có thể sử dụng từ vựng đơn giản nhưng chính xác hơn, và lập luận của các em cũng trở nên mạch lạc hơn. Sự tham gia vào các hoạt động nói, từ làm việc theo cặp, thảo luận nhóm đến thuyết trình cá nhân, đã giúp sinh viên dần xây dựng sự tự tin, từ đó cải thiện đáng kể độ trôi chảy và sự thoải mái khi sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp.

Về tư duy phản biện, ban đầu sinh viên hầu như không nhận thức rõ về kỹ năng này và việc tranh biện chủ yếu phụ thuộc vào việc ghi nhớ thông tin, đồng thời thiếu sự độc lập trong tư duy. Tuy nhiên, tranh biện trong lớp học đã dần dần giúp sinh viên nâng cao khả năng tư duy phản biện bằng cách khuyến khích các em đánh giá đa dạng nguồn thông tin, tổ chức lập luận và xem xét các quan điểm khác nhau. Quá trình này không chỉ giúp các em phát triển khả năng phân tích mà còn thách thức những giả định đã có sẵn. Một điểm nổi bật trong các hoạt động tranh biện là yêu cầu sinh viên lập luận từ các quan điểm đối lập,

điều này đã mở rộng tư duy và làm sâu sắc thêm sự hiểu biết của các em về những vấn đề phức tạp. Hơn nữa, hình thức tranh biện, bao gồm cả nghiên cứu, thảo luận nhóm và phản ứng nhanh chóng với đối thủ, đã buộc sinh viên phải tư duy phản biện dưới áp lực thời gian. Kết quả là, đến cuối khóa học, phần lớn sinh viên đã thể hiện sự tiến bộ rõ rệt trong khả năng phân tích, trình độ đánh giá vấn đề từ nhiều góc độ và các em sẵn sàng xem xét lại các quan điểm ban đầu của mình.

Tổng thể, tranh biện trong lớp học là một công cụ giáo dục hiệu quả trong việc nâng cao cả kỹ năng nói và tư duy phản biện. Phương pháp coi học viên là trung tâm đã thúc đẩy sự tham gia tích cực, hợp tác và xây dựng một môi trường học tập hữu ích. Những yếu tố này đã giúp sinh viên tự tin hơn khi bày tỏ ý tưởng và nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ của các em. Các kết quả nghiên cứu này ủng hộ mạnh mẽ việc tích hợp tranh biện vào chương trình giảng dạy ngôn ngữ, đặc biệt là trong các bối cảnh học tiếng Anh như một ngoại ngữ, nơi cơ hội thực hành nói và tham gia vào các hoạt động tư duy phản biện thực tế có thể còn hạn chế.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã tìm hiểu một cách sâu sắc tác động của hoạt động tranh biện trong lớp học đối với kỹ năng nói tiếng Anh và tư duy phản biện của sinh viên trong suốt khóa học kéo dài 12 tuần. Ban đầu, sinh viên tỏ ra do dự và không thoải

mái khi tương tác bằng tiếng Anh cũng như trong việc sử dụng kỹ năng tư duy phản biện, vì các em chưa có kinh nghiệm với các hoạt động như vậy. Tuy nhiên, đến tuần thứ năm, các em đã nhận ra tầm quan trọng của việc chuẩn bị, bao gồm việc nghiên cứu kỹ lưỡng và tham gia thảo luận nhóm một cách chủ ý; do đó, các em đã quyết định tập trung nhiều hơn vào quá trình tham gia. Qua thời gian, sinh viên đã vượt qua nỗi sợ khi nói trước đám đông, thể hiện sự hào hứng ngày càng tăng đối với việc tham gia các cuộc tranh biện và thậm chí ở lại lớp học sau giờ học để luyện tập thêm. Về kỹ năng nói, yếu tố quan trọng nhất trong sự tiến bộ là tính mạch lạc, khi các ý tưởng của sinh viên trở nên có tổ chức và dễ hiểu hơn đáng kể. Các yếu tố khác, bao gồm phát âm và độ trôi chảy, cho thấy sự tiến bộ dần dần. Tư duy phản biện cũng đã có sự tiến bộ rõ rệt khi sinh viên có khả năng tốt hơn trong việc tóm tắt, tích hợp ý tưởng và tìm hiểu các quan điểm khác nhau. Hình thức tranh biện đã giúp sinh viên nhận ra những điểm yếu của bản thân, chuyển trọng tâm từ ngữ pháp sang tính mạch lạc, xây dựng sự tự tin và tạo ra một môi trường có tính hỗ trợ thúc đẩy sự cải thiện bản thân. Tóm lại, nghiên cứu này nhấn mạnh tranh biện là một công cụ giáo dục hiệu quả để nâng cao cả kỹ năng ngôn ngữ và tư duy phản biện, mang lại những hiểu biết quý giá cho các nhà giáo dục và nhà nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Afshar, H. S., & Rahimi, M. (2014). The relationship among critical thinking, emotional intelligence, and speaking abilities of Iranian EFL learners. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 136, 75-79.
- Alasmari, A., & Ahmed, S. S. (2012). Using Debate in EFL Classes. *English Language Teaching*, 6(1), p147.
- Krieger, D. (2005). Teaching Debate to ESL Students: A Six-Class Unit. *The Internet TESL Journal*, 11(2).
- Jansem, S. S. A. (2015). The use of debate technique to develop speaking ability of grade ten students at Bodindecha (Singsinghaseni) school. *International Journal of Technical Research and Application, Special Issue*(13), 27-31.
- Malmir, A., & Shoorcheh, S. (2012). An investigation of the impact of teaching critical thinking on the Iranian EFL learners' speaking skill. *Journal of Language Teaching and Research*, 3(4), 608-617.
- Nguyen, C. T. (2011). Challenges of learning English in Australia towards students coming from selected Southeast Asian countries: Vietnam, Thailand and Indonesia. *International Education Studies*, 4(1), 13.
- Nguyen, T. S. (2013). The Relations between Vietnamese EFL Students' and Teachers' Language Learning Beliefs: *Cambridge Scholars Publishing*.
- Rezaei, S., Derakhshan, A., & Bagherkazemi, M. (2011). Critical thinking in language education. *Journal of Language Teaching and Research*, 2(4), 769-777.
- Sanavi, R. V., & Tarighat, S. (2014). Critical Thinking and Speaking Proficiency: A Mixed-method Study. *Theory and Practice in Language Studies*, 4(1), 79-87.
- Zare, P., & Othman, M. (2015). Students' Perceptions toward Using Classroom Debate to Develop Critical Thinking and Oral Communication Ability. *Asian Social Science*, 11(9), p158.